

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 8755/UBND-TCKH

Cử Chi, ngày 24 tháng 9 năm 2024

Về việc hướng dẫn thực hiện Tổng
kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ
chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng
do Nhà nước đầu tư, quản lý

Kính gửi:

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân huyện nhận được Công văn số 6429/STC-CS ngày 05/9/2024 của Sở Tài chính Thành phố về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng kiểm kê chủ động nghiên cứu, thực hiện đầy đủ các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01/8/2024 và Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05/7/2024 của Bộ Tài chính; Công văn số 6429/STC-CS ngày 05/9/2024 và Công văn số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024 của Sở Tài chính Thành phố; Công văn số 7617/UBND-TCKH ngày 15/8/2024 của UBND huyện để chuẩn bị công tác kiểm kê và tổ chức thực hiện kiểm kê theo Kế hoạch số 6495/KH-UBND ngày 24/7/2024 của UBND huyện.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Ghi chú: Đính kèm Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01/8/2024 và Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05/7/2024 của Bộ Tài chính; Công văn số 6429/STC-CS ngày 05/9/2024 và Công văn số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024 của Sở Tài chính Thành phố; Công văn số 7617/UBND-TCKH ngày 15/8/2024 của UBND huyện, Kế hoạch số 6495/KH-UBND ngày 24/7/2024 của UBND huyện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND huyện;
- Lưu: VT, PTCKH.2.PMThống.



Phạm Thị Thanh Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6429/STC-CS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý

Kính gửi:

- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là Tổ chức);
- Doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 4919/UBND-KT ngày 26/8/2024, Công văn số 4640/UBND-KT ngày 14/8/2024 về triển khai Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01/8/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, trong đó: “*Giao Sở Tài chính khẩn trương nghiên cứu Công văn số 8131/BTC-QLCS nêu trên để hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định*”,

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Ngày 01/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 213/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Ngày 05/4/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính có Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 về ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Ngày 02/7/2024, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 3701/KH-UBND về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/7/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 7011/BTC-QLCS về việc tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công, trong đó Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện rà soát công tác bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tài sản, bảo đảm nguyên tắc tài sản đã đưa vào sử dụng thì phải được quản lý, hạch toán theo quy định; việc tính hao mòn, khấu hao tài sản và việc xử lý đối với các tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2024, Sở Tài chính có Công văn số 5243/STC-CS triển khai nội dung Công văn số 7011/BTC-QLCS nêu trên đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

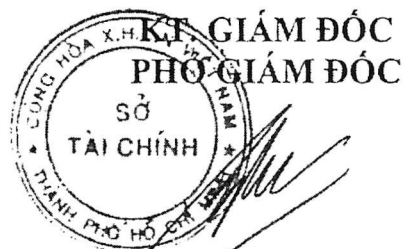
Ngày 01/8/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 8131/BTC-QLCS về hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, trong đó hướng dẫn đầy đủ các biểu mẫu (biên bản kiểm kê và báo cáo kết quả kiểm kê đối với từng loại tài sản thuộc phạm vi kiểm kê); cách xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các biểu mẫu,...

Từ các nội dung trên, để đảm bảo công tác thực hiện kiểm kê từ ngày 01/01/2025 đạt hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ (trước ngày 15/6/2025 theo Kế hoạch số 3701/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố), Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Đề nghị Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Người đứng đầu các tổ chức và Doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng kiểm kê chủ động nghiên cứu, thực hiện đầy đủ các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01/8/2024 và Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05/7/2024 của Bộ Tài chính; Công văn số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024 của Sở Tài chính để chuẩn bị công tác kiểm kê khi Thành phố tổ chức thực hiện theo Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024. *N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD;
- Lưu VT, CS, CAT(4) *✓*



Nguyễn Trần Phú



Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 03/08/2024 13:30:07 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8131/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện Tổng
kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ
chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ
tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về việc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội, căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiêu, biểu mẫu kiểm kê như sau:

I. Mẫu Biên bản kiểm kê

- Mẫu số 01-BB/TSCĐ: Biên bản kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Mẫu số 02-BB/HTĐB: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 03-BB/HTĐSQG: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 04-BB/HTĐSDT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 05-BB/HTĐT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 06-BB/HTHK: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 07-BB/HTHH: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- Mẫu số 08-BB/HTNS: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý.

9. Mẫu số 09-BB/HTTL: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý.

10. Mẫu số 10-BB/HTTMC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

11. Mẫu số 11-BB/HTCCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư, quản lý.

12. Mẫu số 12-BB/HTKCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp do Nhà nước đầu tư, quản lý.

13. Mẫu số 13-BB/HTKKT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế do Nhà nước đầu tư, quản lý.

14. Mẫu số 14-BB/HTKCNC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) do Nhà nước đầu tư, quản lý.

15. Mẫu số 15-BB/HTTTTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung do Nhà nước đầu tư, quản lý.

16. Mẫu số 16-BB/HTĐĐ: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

17. Mẫu số 17-BB/HTCC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá do Nhà nước đầu tư, quản lý.

18. Mẫu số 18-BB/HTVHTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

19. Mẫu số 19-BB/HTNĐT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng là công trình ngầm đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý.

II. Mẫu biểu báo cáo kết quả kiểm kê:

1. Mẫu số 01a-BC/TSCĐ, 01b-BC/TSCĐ, 01c-BC/TSCĐ, 01d-BC/TSCĐ, 01đ-BC/TSCĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Mẫu số 02a-BC/HTĐB, 02b-BC/HTĐB, 02c-BC/HTĐB, 02d-BC/HTĐB, 02đ-BC/HTĐB: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3. Mẫu số 03a-BC/HTĐSQG, 03c-BC/HTĐSQG, 03d-BC/HTĐSQG, 03đ-BC/HTĐSQG: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý.

4. Mẫu số 04a-BC/HTĐSĐT, 04c-BC/HTĐSĐT, 04d-BC/HTĐSĐT, 04đ-BC/HTĐSĐT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý.

5. Mẫu số 05a-BC/HTĐTNĐ, 05b-BC/HTĐTNĐ, 05c-BC/HTĐTNĐ, 05d-BC/HTĐTNĐ, 05đ-BC/HTĐTNĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý.

6. Mẫu số 06a-BC/HTHK, 06b-BC/HTHK, 06c-BC/HTHK, 06d-BC/HTHK, 06đ-BC/HTHK: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

7. Mẫu số 07a-BC/HTHH, 07b-BC/HTHH, 07c-BC/HTHH, 07d-BC/HTHH, 07đ-BC/HTHH: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý.

8. Mẫu số 08a-BC/HTNS, 08b-BC/HTNS, 08c-BC/HTNS, 08d-BC/HTNS, 08đ-BC/HTNS: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý.

9. Mẫu số 09a-BC/HTTL, 09b-BC/HTTL, 09c-BC/HTTL, 09d-BC/HTTL, 09đ-BC/HTTL: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý.

10. Mẫu số 10a-BC/HTTMC, 10b-BC/HTTMC, 10c-BC/HTTMC, 10d-BC/HTTMC, 10đ-BC/HTTMC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

11. Mẫu số 11a-BC/HTCCN, 11b-BC/HTCCN, 11c-BC/HTCCN, 11d-BC/HTCCN, 11đ-BC/HTCCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư, quản lý.

12. Mẫu số 12a-BC/HTKCN, 12b-BC/HTKCN, 12c-BC/HTKCN, 12d-BC/HTKCN, 12đ-BC/HTKCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp do Nhà nước đầu tư, quản lý.

13. Mẫu số 13a-BC/HTKKT, 13b-BC/HTKKT, 13c-BC/HTKKT, 13d-BC/HTKKT, 13đ-BC/HTKKT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế do Nhà nước đầu tư, quản lý.

14. Mẫu số 14a-BC/HTKCNC, 14b-BC/HTKCNC, 14c-BC/HTKCNC, 14d-BC/HTKCNC, 14đ-BC/HTKCNC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) do Nhà nước đầu tư, quản lý.

15. Mẫu số 15a-BC/HTTTTT, 15b-BC/HTTTTT, 15c-BC/HTTTTT, 15d-BC/HTTTTT, 15đ-BC/HTTTTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung do Nhà nước đầu tư, quản lý.

16. Mẫu số 16a-BC/HTĐĐ, 16b-BC/HTĐĐ, 16c-BC/HTĐĐ, 16d-BC/HTĐĐ, 16đ-BC/HTĐĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều do Nhà nước đầu tư, quản lý.

17. Mẫu số 17a-BC/HTCC, 17b-BC/HTCC, 17c-BC/HTCC, 17d-BC/HTCC, 17đ-BC/HTCC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá do Nhà nước đầu tư, quản lý.

18. Mẫu số 18a-BC/HTVHTT, 18b-BC/HTVHTT, 18c-BC/HTVHTT, 18d-BC/HTVHTT, 18đ-BC/HTVHTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, Làng văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

19. Mẫu số 19a-BC/HTNĐT, 19c-BC/HTNĐT, 19d-BC/HTNĐT, 19đ-BC/HTNĐT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng công trình ngầm đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý.

III. Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các mẫu, biểu tại Mục I, Mục II

1. Đối với các tài sản đang được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê. Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

2. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản như sau:

2.1. Đối với tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm có hồ sơ xác định giá mua và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

b) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ đầu tư xây dựng có hồ sơ xác định giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

c) Đối với tài sản cố định hữu hình không có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (Văn bản liên quan đến nghiệm thu, đưa tài sản vào sử dụng; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản; nguyên giá của tài sản tương đương đã hạch toán;...) thì nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a2 khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

d) Đối với tài sản cố định đặc thù thì nguyên giá, giá trị còn lại được xác định theo giá quy ước là 10 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

đ) Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; giá trị còn lại được xác định bằng nguyên giá.

e) Đối với tài sản cố định vô hình không phải là quyền sử dụng đất: Trường hợp có căn cứ (Hóa đơn, chứng từ, phê duyệt dự toán, quyết toán,...) để

xác định được chi phí hình thành tài sản cố định vô hình thì nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí hình thành tài sản cố định vô hình đó.

g) Giá trị còn lại của tài sản cố định đã xác định nguyên giá theo các điểm a, b, c và e nêu trên tính đến ngày 31/12/2024 được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (trừ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ), thủy lợi:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a nêu trên tính đến ngày 31/12/2024 được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của} \\ \text{tài sản tính đến} \\ \text{ngày 31/12/2024} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài sản} \\ \text{xác định theo điểm a} \\ \text{nêu trên} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn của tài sản} \\ \text{tính đến ngày 31/12/2024} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số hao} \\ \text{mòn của} \\ \text{tài sản tính} \\ \text{đến ngày} \\ \text{31/12/2024} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{tài sản xác} \\ \text{định theo} \\ \text{điểm a nêu} \\ \text{trên} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hao mòn của tài sản} \\ \text{theo Phụ lục ban hành kèm} \\ \text{theo Thông tư số} \\ \text{75/2018/TT-BTC ngày} \\ \text{17/8/2018 của Bộ Tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian đã} \\ \text{sử dụng của} \\ \text{tài sản (năm)} \end{array}$$

2.3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2024 được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

2.4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a1, điểm a2 khoản 5 Điều 5 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2024 được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

2.5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng khác:

a) Đối với tài sản có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo

giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trường hợp đã hoàn thành, nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm tra quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

b) Đối với tài sản không có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá xây dựng mới của tài sản tương đương (về quy mô, cấp độ kỹ thuật) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá của tài sản được xác định bằng giá xây dựng mới của tài sản tương đương.

c) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a, điểm b nêu trên tính đến ngày 31/12/2024 được xác định như sau:

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31/12/2024} = \text{Nguyên giá tài sản xác định theo điểm a, điểm b nêu trên} \times \left(1 - \frac{\text{Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn của tài sản theo Phụ lục kèm theo Công văn này (năm)}} \right)$$

3. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo điểm 2 Mục này thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Trường hợp các tài sản này là tài sản kết cấu hạ tầng có đầu tư nâng cấp, sửa chữa, mở rộng, cải tạo theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà dự án đó hoàn thành nghiệm thu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2024 thì bổ sung thông tin về “Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo” tại các Biên bản kiểm kê và Báo cáo kết quả kiểm kê. Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo ghi nhận là giá trị theo quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp đã hoàn thành, nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm tra quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;

- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

4. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục III này được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê và làm căn cứ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện hạch toán tài sản theo quy định.

Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại được quy định tại điểm 3 Mục này thì việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản sau khi hoàn thành việc kiểm kê để thực hiện hạch toán được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại tài sản (nếu có).

IV. Đối tượng thực hiện kiểm kê

Đối tượng thực hiện kiểm kê được xác định theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 và chi tiết theo các Mẫu Biên bản kiểm kê kèm theo Công văn này.

Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định thành lập Tổ kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê; thành phần Tổ kiểm kê do Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định cụ thể căn cứ vào tính chất, đặc điểm, quy mô và thực tế quản lý tài sản.

V. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê

1. Đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm kê cho cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên (sau đây gọi là cơ quan quản lý cấp trên) (nếu có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê (nếu không có cơ quan quản lý cấp trên).

2. Cơ quan quản lý cấp trên chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản do cơ quan mình đang quản lý/tạm quản lý và kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cấp dưới để báo cáo cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, cơ quan trung ương của các tổ chức (tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội), Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Bộ, cơ quan trung ương) chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, kết quả kiểm

kê của các doanh nghiệp do Bộ, cơ quan trung ương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Riêng một số trường hợp thực hiện như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh (bao gồm cả tài sản của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh và Liên đoàn Lao động cấp huyện).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo của các Sở, ngành, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh, báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy.

6. Sở, ngành, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Sở, ngành, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện, xã trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc huyện quản lý (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện).

8. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của xã.

9. Việc tổng hợp kết quả tổng kiểm kê được thực hiện thống nhất trên ứng dụng công nghệ thông tin (Phần mềm) do Bộ Tài chính triển khai miễn phí tới các đối tượng thực hiện kiểm kê, cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê.

VI. Thời hạn kiểm kê, tổng hợp kết quả, báo cáo kiểm kê và tổ chức thực hiện:

1. Thời hạn kiểm kê, tổng hợp kết quả, báo cáo kiểm kê và tổ chức thực hiện: Thực hiện theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Công văn này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện hướng dẫn tại Văn bản này.

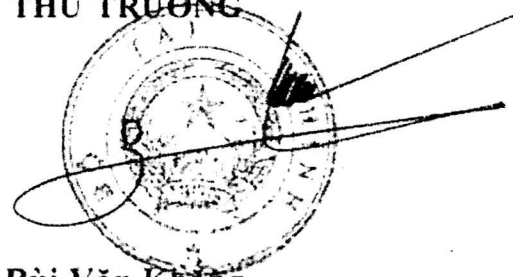
Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo quy định. *7/2011*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Thủ tướng Chính phủ
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Vụ Pháp chế; Cục GSQL kế toán, kiểm toán;
- Lưu: VT, QLCS. *(60)*

(để b/cáo);

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng



Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 05/07/2024 16:21:32 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7011/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2024

V/v tăng cường công tác quản lý,
hạch toán tài sản công.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 06/12/2022 của Quốc hội, Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã triển khai thử nghiệm kiểm kê tài sản công tại một số Bộ, địa phương. Trên cơ sở các vấn đề phát sinh thông qua thử nghiệm kiểm kê tài sản công, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị):

1.1. Hiện nay qua nắm bắt tình hình thực tế, có một số đơn vị đã được bàn giao tài sản đưa vào sử dụng nhưng chưa có Biên bản bàn giao, chưa được bàn giao hồ sơ, giá trị tài sản nên chưa thực hiện hạch toán tài sản. Vì vậy, đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác đầu tư xây dựng, mua sắm và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản rà soát việc bàn giao, tiếp nhận và hạch toán tài sản, bảo đảm tài sản đã đưa vào sử dụng thì phải được quản lý, hạch toán theo quy định.

1.2. Rà soát các trường hợp tiếp nhận tài sản do tổ chức, cá nhân tặng cho, chuyển giao quyền sở hữu nêu thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu toàn dân mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản thì phải thực hiện trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

1.3. Rà soát việc theo dõi, hạch toán tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm kê để bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023, cụ thể:

(1) Rà soát đề báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC; ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

(2) Việc tính hao mòn, khấu hao tài sản được thực hiện đối với các tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023¹. Đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, theo dõi như công cụ, dụng cụ.

(3) Xác định “tài sản” để thực hiện hạch toán cho phù hợp, cụ thể: (i) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản; (ii) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản; (iii) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản riêng lẻ đó được xác định là một tài sản. Lưu ý không thực hiện hạch toán tài sản theo lô nhiều tài sản.

(4) Trường hợp thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hạch toán thay đổi nguyên giá của tài sản cố định được nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 23/2023/TT-BTC (không hạch toán riêng giá trị sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng thành một tài sản cố định).

(5) Rà soát nhóm, loại tài sản cố định đang thực hiện hạch toán để áp dụng tỷ lệ hao mòn cho phù hợp.

¹ Tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 quy định:

“2. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này (trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này) được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

3. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng phải tính đủ khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật và tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng toàn bộ thời gian vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp”.

(6) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước nhưng chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 102, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và hệ số điều chỉnh giá đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành áp dụng cho năm 2023.

1.4. Rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng; phát hiện kịp thời các tài sản đang sử dụng nhưng chưa được theo dõi, hạch toán để đưa vào theo dõi, hạch toán theo quy định; thực hiện hạch toán giảm đối với các tài sản đã thực hiện xử lý theo quy định.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải), tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

2.1. Rà soát việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cho đối tượng quản lý để bảo đảm đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng phù hợp với quy định của pháp luật. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm quản lý, theo dõi tài sản kết cấu hạ tầng được giao theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Rà soát việc theo dõi, hạch toán tài sản của các đối tượng thực hiện kiểm kê để bảo đảm theo đúng quy định:

(1) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Việc theo dõi, hạch toán tài sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

(2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải), tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Việc theo dõi, hạch toán tài sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

(3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch: Việc theo dõi, hạch toán tài sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

(4) Trường hợp thực hiện nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đối tượng quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm hạch toán thay đổi nguyên giá của tài sản cố định được nâng cấp, sửa chữa, mở rộng theo quy định (không hạch toán riêng giá trị nâng cấp, mở rộng thành một tài sản cố định).

(5) Rà soát tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước để bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

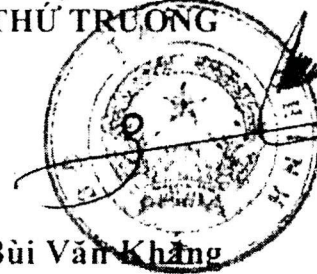
Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan. *J*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Lê Minh Khái (Đề b/cáo);
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (Đề b/cáo);
- Sở Tài chính tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Bộ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Thời báo TC VN (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLCS. (co) *J*

KT.BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7617/UBND-TCKH

Cử Chi, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Về việc tăng cường công tác quản
lý, hạch toán tài sản công

Kính gửi:

- Thanh tra huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân huyện nhận được Công văn số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024 của Sở Tài chính Thành phố về việc tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công. Ủy ban nhân dân huyện ý kiến như sau:

Để tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc, khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và các văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trên thực tế, hiện có một số đơn vị đã được bàn giao tài sản đưa vào sử dụng nhưng chưa có Biên bản bàn giao, chưa được bàn giao đầy đủ hồ sơ, giá trị tài sản nên chưa thực hiện hạch toán tài sản đầy đủ. Vì vậy, đề nghị các cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện công tác đầu tư xây dựng, mua sắm và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản rà soát việc bàn giao, tiếp nhận và hạch toán tài sản, bảo đảm tài sản đã đưa vào sử dụng thì phải được quản lý, hạch toán theo quy định.

3. Rà soát các trường hợp tiếp nhận tài sản do tổ chức, cá nhân tặng cho, chuyển giao quyền sở hữu; nếu thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu toàn dân mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản thì phải thực hiện trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. Việc tiếp nhận tài sản phải đảm bảo phù hợp với

quy định pháp luật hiện hành, trên tinh thần không để xảy ra tiêu cực đồng
vẫn phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội.

4. Rà soát việc theo dõi, hạch toán tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm kê để bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

4.1 Việc tính hao mòn, khấu hao tài sản được thực hiện đối với các tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC⁽¹⁾ của Bộ Tài chính. Đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, theo dõi như công cụ, dụng cụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

4.2 Xác định “tài sản” để thực hiện hạch toán cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản;
- Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản;
- Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản riêng lẻ đó được xác định là một tài sản.

** Lưu ý không thực hiện hạch toán tài sản theo lô nhiều tài sản.*

4.3 Trường hợp thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hạch toán thay đổi nguyên giá của tài sản cố định được nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính. *Lưu ý không hạch toán riêng giá trị sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng thành một tài sản cố định.*

4.4 Rà soát nhóm, loại tài sản cố định đang thực hiện hạch toán để áp dụng tỷ lệ hao mòn cho phù hợp.

⁽¹⁾ Tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định:

“2. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này (trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này) được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

3. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng phải tính đủ khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật và tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng toàn bộ thời gian vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp”.

4.5 Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước nhưng chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 102, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành áp dụng cho năm 2023.

5. Rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng; phát hiện kịp thời các tài sản đang sử dụng nhưng chưa được theo dõi, hạch toán để đưa vào theo dõi, hạch toán theo quy định; thực hiện hạch toán giảm đối với các tài sản đã thực hiện xử lý theo quy định.

6. Giao Thanh tra huyện tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công (tập trung đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết) để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, tham mưu UBND huyện biện pháp chấn chỉnh, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

7. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổ chức các buổi tập huấn để tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trên đây là ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện về việc tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công. Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc thực hiện. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND huyện;
- Lưu: VT. P.TCKH.2.PMThống.

Nguyễn

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

Số: 6435 KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cú Chi, ngày 24 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của huyện Củ Chi

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của huyện Củ Chi, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công, Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND Thành phố về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của huyện Củ Chi.

- Nắm được thực trạng của tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý về các mặt số lượng, giá trị,... làm cơ sở để chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát

huy nguồn lực tài sản công; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền đầy đủ các nội dung của Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND Thành phố đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Xác định cụ thể các nội dung công việc, nhiệm vụ cụ thể, thời hạn và tiến độ hoàn thành, trách nhiệm được phân công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND Thành phố để bảo đảm việc tổ chức thực hiện chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian.

c) Tài sản thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê, tổng hợp số liệu để báo cáo tổng hợp chung. Phòng Quản lý đô thị huyện, Phòng Kinh tế huyện chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực quản lý. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện trong việc thực hiện kiểm kê tài sản.

2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tổng kiểm kê của huyện; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện thực hiện bảo đảm theo đúng tiến độ.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm kê, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện kiểm kê, thời hạn phải hoàn thành và kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính, Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND Thành phố.

4. Thực hiện việc tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê, chỉ đạo thực hiện xử lý các nội dung liên quan phát sinh trong quá trình kiểm kê thuộc thẩm quyền quản lý.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Về tuyên truyền, quán triệt nội dung Đề án

Giao thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động nghiên cứu, thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số

3701/KH-UBND ngày 02/7/2024 của UBND Thành phố tới các đối tượng thuộc phạm vi quản lý và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định về chế độ tính khấu hao, hao mòn tài sản cố định.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Hướng dẫn, tập huấn các đối tượng kiểm kê

Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024.

3. Tổ chức thực hiện kiểm kê

Thời điểm kiểm kê (thời điểm chốt số liệu kiểm kê): 0h ngày 01/01/2025.

Tổ chức thực hiện: Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/3/2025.

4. Tổng hợp kết quả kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê gửi Sở Tài chính Thành phố

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/4/2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

a) Tham mưu UBND huyện trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm kê, giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kiểm kê.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Chủ động liên hệ với Sở Tài chính Thành phố hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê; tập huấn, hướng dẫn kiểm kê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện.

c) Tổng hợp chung báo cáo kết quả kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng của Phòng Quản lý đô thị huyện, Phòng Kinh tế huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo từng lĩnh vực; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả tổng kiểm kê đến Sở Tài chính Thành phố.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/4/2025.

2. Phòng Quản lý đô thị huyện

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải Thành phố, Phòng Quản lý đô thị huyện hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của huyện gửi Sở Giao thông vận tải Thành phố, đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp chung trước ngày 31/3/2025.



b) Có ý kiến hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đối với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của huyện.

3. Phòng Kinh tế huyện

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố, Phòng Kinh tế huyện hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng, gồm: cấp nước sạch nông thôn, thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đề điều thuộc phạm vi quản lý của huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố, đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp chung trước ngày 31/3/2025.

b) Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Công Thương Thành phố, Phòng Kinh tế huyện hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ thuộc phạm vi quản lý của huyện gửi Sở Công Thương Thành phố, đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp chung trước ngày 31/3/2025.

c) Có ý kiến hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đối với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng, gồm: cấp nước sạch nông thôn, thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đề điều, tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê cho Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thông huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa thuộc phạm vi quản lý của huyện gửi Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố; đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp chung trước ngày 31/3/2025.

b) Có ý kiến hướng dẫn Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thông huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đối với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

c) Ban hành kế hoạch kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý.

d) Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổ chức.

e) Tổng hợp kết quả kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện (đối với tài sản công) trước ngày 31/3/2025 và báo cáo kết quả kiểm kê về Phòng Quản lý đô thị huyện, Phòng Kinh tế huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện (đối với tài sản kết cấu hạ tầng) trước ngày 28/02/2025.

Trên đây là kế hoạch triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của huyện Củ Chi, đề nghị thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Phòng Quản lý đô thị huyện;
- Phòng Kinh tế huyện;
- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;
- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PTCKH.2.PMThông.

Mei

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Hiền



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 5243 /STC-CS

V/v tăng cường công tác quản lý,
hạch toán tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức khác được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (gọi tắt là Tổ chức).

Thực hiện Kế hoạch số 3184/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về khắc phục hạn chế, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) trên địa bàn Thành phố năm 2024; trong đó có nội dung: *giao Sở Tài chính tham mưu việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị;*

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 3861/UBND-KT ngày 09 tháng 7 năm 2024 về triển khai Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công; trong đó có nội dung: *giao Sở Tài chính chủ động, phối hợp các Sở ngành chức năng nghiên cứu điểm 1 Công văn số 7011/BTC-QLCS của Bộ Tài chính; có văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định;*

Để tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc, khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và các văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc và quản lý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trên thực tế, hiện có một số đơn vị đã được bàn giao tài sản đưa vào sử dụng nhưng chưa có Biên bản bàn giao, chưa được bàn giao đầy đủ hồ sơ, giá trị tài sản nên chưa thực hiện hạch toán tài sản đầy đủ. Vì vậy, đề nghị các cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện công tác đầu tư xây dựng, mua sắm và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản rà soát việc bàn giao, tiếp nhận và hạch toán tài sản, bảo đảm tài sản đã đưa vào sử dụng thì phải được quản lý, hạch toán theo quy định.

3. Rà soát các trường hợp tiếp nhận tài sản do tổ chức, cá nhân tặng cho, chuyển giao quyền sở hữu; nếu thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu toàn dân mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản thì phải thực hiện trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. Việc tiếp nhận tài sản phải đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, trên tinh thần không để xảy ra tiêu cực đồng thời vẫn phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội.

4. Rà soát việc theo dõi, hạch toán tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm kê để bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

4.1 Việc tính hao mòn, khấu hao tài sản được thực hiện đối với các tài sản đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC⁽¹⁾ của Bộ Tài chính. Đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, theo dõi như công cụ, dụng cụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

⁽¹⁾ Tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định:

“2. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này (trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này) được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

3. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng phải tính đủ khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật và tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng toàn bộ thời gian vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp”.

4.2 Xác định “tài sản” để thực hiện hạch toán cho phù hợp, cụ thể: (i) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản; (ii) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản; (iii) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản riêng lẻ đó được xác định là một tài sản. *Lưu ý không thực hiện hạch toán tài sản theo lô nhiều tài sản.*

4.3 Trường hợp thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hạch toán thay đổi nguyên giá của tài sản cố định được nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính. *Lưu ý không hạch toán riêng giá trị sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng thành một tài sản cố định.*

4.4 Rà soát nhóm, loại tài sản cố định đang thực hiện hạch toán để áp dụng tỷ lệ hao mòn cho phù hợp.

4.5 Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước nhưng chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 102, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất, điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành áp dụng cho năm 2023.

5. Rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng; phát hiện kịp thời các tài sản đang sử dụng nhưng chưa được theo dõi, hạch toán để đưa vào theo dõi, hạch toán theo quy định; thực hiện hạch toán giảm đối với các tài sản đã thực hiện xử lý theo quy định.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công (tập trung đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết) để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, có biện pháp chấn chỉnh, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNDTP (để b/c);
- GD, PGD/k;
- Lưu: VP-CS/Ploan (05) /

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trần Phú